

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2023/DS-ST

Ngày 20/11/2023

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Phạm Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Công Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2023/QĐXXST-DS ngày 06/10/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Từ năm 2019 đến năm 2022 bà có tham gia các dây hội do bà Mai Thị T là đầu thảo cụ thể như sau:

Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 25/3/2021^{al}, 03 tháng khai một lần, có 21 hội viên, bà D tham gia 01 phần, trong danh sách hội ghi tên “Chị Hai Bảng”, tiền hoa hồng là 2.000.000 đồng, bà D đóng hội được 08 lần, đến tháng 11/2022^{al} thì bà T tuyên bố bãi hội, do đó bà T còn nợ bà D 40.000.000 đồng.

Hội 3.000.000 đồng, khai ngày 29/02/2019^{al}, 03 tháng khai một lần, có 23 hội viên, bà D tham gia 01 phần, trong danh sách hội ghi tên “C Bảng”, tiền hoa

hồng là 1.200.000 đồng, bà D đóng được 16 lần, đến tháng 11/2022^{al} thì bà T tuyên bố bế hụi, do đó bà T còn nợ bà D 48.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 09/5/2021^{al}, 01 tháng khai một lần, có 20 hụi viên, bà D tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên “Chị Hai Bàng”, tiền hoa hồng là 800.000 đồng, bà D đóng được 19 lần, đến tháng 11/2022^{al} thì bà T tuyên bố bế hụi, do đó bà T còn nợ bà D 38.000.000 đồng. Tổng cộng 03 dây hụi này bà T còn nợ bà D số tiền 126.000.000 đồng.

Ngoài ra bà T còn tham gia 02 dây hụi do bà D làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 30/02/2022^{al}, 02 tháng khai một lần, có 22 hụi viên, bà T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên “Thúy (12)”, hụi mãn ngày 30/8/2024^{al}, bà T hốt ở kỳ khai hụi lần thứ 03 và đóng hụi chết được 02 lần thì ngưng, nên bà D đóng thay cho bà T đến tháng 4/2023^{al} được 02 lần số tiền là 10.000.000 đồng, còn 15 kỳ hụi chưa đến hạn là 75.000.000 đồng.

Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2022^{al}, 01 tháng khai một lần, có 26 hụi viên, bà T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên “Thúy (12)”, hụi mãn ngày 20/8/2024^{al}, bà T hốt ở kỳ khai hụi lần thứ 02 và đóng hụi chết được 03 lần thì ngưng, bà D choàng hụi cho bà T đến tháng 3/2023^{al} được 04 lần số tiền là 20.000.000 đồng, còn 07 kỳ hụi chưa đến hạn là 35.000.000 đồng. Đối với 02 dây hụi này tiền hụi đã đến hạn mà bà D đã đóng thay cho bà T tổng cộng là 30.000.000 đồng, tiền hụi chưa đến hạn tổng cộng là 110.000.000 đồng.

Do đó, bà D yêu cầu bà T trả số tiền hụi đến hạn là 156.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, đối với số tiền hụi chưa đến hạn là 110.000.000 đồng thì yêu cầu trả dần theo kỳ khai hụi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà D có đơn khởi kiện bổ sung đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2022^{al}, 01 tháng khai một lần, có 26 hụi viên, bà T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên “Thúy (12)”, hụi mãn ngày 20/8/2024^{al}, bà T hốt hụi ở kỳ khai hụi lần thứ 02 và đóng hụi chết được 03 lần (ngày 27/11/2022^{al}) thì ngưng, bà D choàng hụi cho bà T đến tháng 4/2023^{al} được 05 lần số tiền là 25.000.000 đồng, còn 16 kỳ hụi chưa đến hạn là 80.000.000 đồng.

Do đó, bà D yêu cầu bà T trả số tiền hụi đến hạn là 161.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, đối với số tiền hụi chưa đến hạn là 155.000.000 đồng thì yêu cầu trả dần theo kỳ khai hụi.

Tại phiên tòa bà D có thay đổi và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

Đối với 03 dây hụi do bà T làm đầu thảo, bà D yêu cầu cản trừ tiền hoa hồng tổng cộng là 4.000.000 đồng, nên bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 122.000.000 đồng.

Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 30/02/2022^{al}, 02 tháng khai một lần, tính đến ngày 30/9/2023^{al} thì bà D đã đóng hụi thay cho bà T được 06 lần x 5.000.000 đồng = 30.000.000 đồng, còn lại 11 lần hụi chưa đến hạn x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng.

Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2022^{al}, 01 tháng khai một lần, tính đến ngày 20/9/2023 thì bà D đã đóng hụi thay cho bà T được 11 lần x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng, còn lại 09 lần hụi chưa đến hạn x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

Do đó, bà D yêu cầu bà T trả số tiền hụi đến hạn tổng cộng là 207.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, đối với số tiền hụi chưa đến hạn là 100.000.000 đồng thì yêu cầu trả dần theo kỳ khai hụi.

Bị đơn bà Mai Thị T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà T trả cho bà D số tiền hụi đến hạn là 207.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu bà T trả 4.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà D đối với yêu cầu bà T trả số tiền hụi chưa đến hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà D yêu cầu bà T trả tiền nợ hụi, nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà D yêu cầu trả số tiền 122.000.000 đồng của 03 dây hụi do bà T làm đầu thảo. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà D có cung cấp 03 sổ hụi thể hiện bà có tham gia chơi 03 dây hụi do bà T làm đầu thảo cụ thể: Dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 25/3/2021^{al}, 03 tháng khai một lần, có 21 hụi viên, bà D tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên “Chị Hai Bàng”, tiền hoa hồng là 2.000.000 đồng, bà D đóng hụi được 08 lần, đến tháng 11/2022^{al} thì bà T tuyên bố bế hụi, nên bà T còn nợ bà D 40.000.000 đồng; Dây hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 29/02/2019^{al}, 03 tháng khai một lần, có 23 hụi viên, bà D tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên “C Bàng”, tiền hoa hồng là 1.200.000 đồng, bà D đóng được 16 lần, đến tháng 11/2022^{al} thì bà T

tuyên bố bế hội, nên bà T còn nợ bà D 48.000.000 đồng; Dây hội 2.000.000 đồng, khai ngày 09/5/2021^{al}, 01 tháng khai một lần, có 20 hội viên, bà D tham gia 01 phần, trong danh sách hội ghi tên “Chị Hai Bông”, tiền hoa hồng là 800.000 đồng, bà D đóng được 19 lần, đến tháng 11/2022^{al} thì bà T tuyên bố bế hội, nên bà T còn nợ bà D 38.000.000 đồng. Đối với 03 dây hội này bà T sau khi tuyên bố bế hội thì còn nợ bà D tổng cộng 126.000.000 đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng 4.000.000 đồng thì còn nợ lại 122.000.000 đồng.

Mặc khác, căn cứ vào danh sách các thành viên tham gia chơi hội thì ngày 22/8/2023 Tòa án đã ghi lời khai của các hội viên khác có tên trong sổ hội như bà Chế Thị Cẩm Hằng, sinh năm 1982, bà Chế Thị Quế, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp Lợi Tường, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; Bà Võ Thị Bảy, sinh năm 1961, bà Nguyễn Thị Tho, sinh năm 1964, bà Huỳnh Thị Tuyền, sinh năm 1976, bà Huỳnh Thị Huyền, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T, những người này đều xác định họ có tham gia chơi 03 dây hội trên chung với bà D do bà T làm đầu thảo, đến tháng 11/2022^{al} bà T tuyên bố bế hội và bỏ trốn khỏi địa phương, đến nay vẫn chưa trả lại tiền cho bà D và các hội viên khác. Do đó, có đủ cơ sở để xác định bà D có tham gia 03 dây hội trên do bà T làm đầu thảo và sau khi bế hội thì bà T còn nợ bà D số tiền 122.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa bà D tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cản trừ 4.000.000 đồng tiền hoa hồng của 03 dây hội trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với 02 dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 30/02/2022^{al} và ngày 20/7/2022^{al} do bà D làm đầu thảo, bà yêu cầu bà T trả số tiền đã đóng thay tổng cộng là 85.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, tại giấy nhận hội ngày 10/11/2022 có nội dung thể hiện bà T có tham gia hội 5.000.000 đồng, 02 tháng khai một lần, bà T hót hội được số tiền 67.980.000 đồng, còn đóng lại 17 lần hội chết là 85.000.000 đồng. Mặt sau tờ giấy nhận hội còn thể hiện bà T có hót hội 5.000.000 đồng, 01 tháng khai một lần, còn phải đóng lại 23 lần hội chết, bà D xác định biên nhận hội do bà T viết và ký tên, mặc khác bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, có căn cứ để xác định bà T có tham gia 02 dây hội do bà D là đầu thảo, bà T sau khi hót hội thì không thực hiện nghĩa vụ đóng hội, nên bà D đã đóng thay cho bà T tính đến ngày 30/9/2023^{al}, dây hội khai ngày 30/02/2022^{al} đóng được 06 lần x 5.000.000 đồng = 30.000.000 đồng, dây hội khai ngày 20/7/2023^{al} đóng được 11 lần x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng, tổng cộng là 85.000.000 đồng, nên bà D yêu cầu bà T trả số tiền này một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với dây hội khai ngày 30/02/2022^{al} còn 11 lần đóng x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng, dây hội khai ngày 20/7/2023^{al} còn 09 lần đóng x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng, bà D yêu cầu bà T phải trả số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng theo mỗi kỳ khai hội. Xét thấy, mặc dù đây là số tiền của những phần hội chưa đến hạn đóng, nhưng bà T sau khi hót hội thì đóng hội chết

được 03 lần rồi ngưng là vi phạm nghĩa vụ hội viên, bà D phải đóng hội thay cho bà T để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi các hội viên khác trong dây hội. Hơn nữa, hiện tại bà T đã bỏ địa phương đi đâu không ai biết nên việc buộc bà T trả số tiền 100.000.000 đồng tiếp theo mỗi kỳ khai của 02 dây hội trên cho đến khi mãn hội là có cơ sở chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có một phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 15, 18, 21, 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Mai Thị T trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Mai Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 207.000.000đ (Hai trăm lẻ bảy triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Mai Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn trả như sau:

Ngày 28/12/2023 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/01/2024 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ngày 28/02/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/3/2024 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ngày 28/4/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/5/2024 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ngày 28/6/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/7/2024 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ngày 28/8/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/9/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/11/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/01/2025 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/3/2025 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/5/2025 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/7/2025 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 28/9/2025 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Mai Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Bà Mai Thị T phải chịu 15.350.000đ (Mười lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 7.900.000đ (Bảy triệu, chín trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012511 ngày 06 tháng 6 năm 2023 và số 0012796 ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thảo Lan

